

## BIÊN BẢN HỌP

Công khai các khoản thu, chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục  
Tháng 11 năm học 2025 - 2026

**I. Thời gian:** 08h30 phút, ngày 31/12/2025

**II. Địa điểm:** Văn phòng trường MN Trung Vương.

**III. Thành phần:**

- Bà Kô Thị Liên - Bí thư - Hiệu trưởng nhà trường;
- Bà Vũ Thị Thuần - Phó hiệu trưởng;
- Bà Nguyễn Thị Nga - Phó hiệu trưởng
- Bà Nguyễn Thị Mai - Phó hiệu trưởng
- Bà Nguyễn Thị Thu Chinh - Phó hiệu trưởng
- Bà Tạ Thị Hòa - Trưởng ban thanh tra nhân dân;
- Bà Phạm Quỳnh Trang - Nhân viên kế toán trường;
- Bà Phạm Thị Hòa - Y tế - Thủ quỹ;
- Chủ trì hội nghị: Bà Kô Thị Liên - Bí Thư - Hiệu trưởng nhà trường;
- Thư ký: Bà Hoàng Thị Kiều Diễm - Thư ký;

**IV. Nội dung:**

**1. Công khai các công văn chỉ đạo:**

Thông tư số 61/2017/TT-TBTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà hỗ trợ;

Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập;

Kế hoạch số 506/KH-MNBS ngày 04 tháng 9 năm 2025 của trường mầm non Bắc Sơn về kế hoạch Dự toán chi, thu năm học 2025 - 2026;

Kế hoạch số 231/KH-MNNK ngày 08 tháng 10 năm 2025 của trường mầm non Nam Khê về kế hoạch Dự toán chi, thu năm học 2025 - 2026;

Kế hoạch số 183/KH-MNTV ngày 23 tháng 9 năm 2025 của trường mầm non Trung Vương về kế hoạch Dự toán chi, thu năm học 2025 - 2026;

**2. Công khai các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tháng 11 năm học 2025-2026 gồm:**

**2.1 Điểm chính**

- Thu tiền thuê người nấu ăn:	22.900.000đ
- Thu tiền ăn bán trú:	126.753.000đ
- Thu tiền chất đốt, Vật tư vệ sinh, tiền điện:	19.553.228đ
- Thu tiền trông giữ trẻ ngày thứ 7:	11.034.750đ
- Thu tiền QLHS giờ bán trú:	22.900.000đ
<b>Cộng:</b>	<b>203.140.978đ</b>

*(Số tiền bằng chữ: Hai trăm linh ba triệu một trăm bốn mươi ngàn chín trăm bảy tám đồng./)*

**2.2. Điểm trường số 1**

- Thu tiền thuê người nấu ăn:	21.041.400đ
- Thu tiền ăn bán trú:	87.906.460đ
- Thu tiền chất đốt, vật tư vệ sinh, điện nước:	15.634.800đ
- Thu tiền trông giữ trẻ ngày thứ 7:	14.580.500đ
- Thu tiền QLHS giờ bán trú:	21.080.000đ
<b>Cộng:</b>	<b>160.243.160đ</b>

*(Số tiền bằng chữ: Một trăm sáu mươi triệu hai trăm bốn ba ngàn một trăm sáu mươi đồng./)*

**2.3 Điểm trường số 2**

- Thu tiền thuê người nấu ăn:	15.096.000đ
- Thu tiền ăn bán trú:	83.934.360đ
- Thu tiền chất đốt, vật tư vệ sinh, điện nước:	11.061.960đ
- Thu tiền trông giữ trẻ ngày thứ 7:	8.460.000đ
- Thu tiền QLHS giờ bán trú:	15.540.000đ
- Thu tiền nước phục vụ bếp ăn bán trú:	1.960.024đ
<b>Cộng:</b>	<b>136.052.344đ</b>

*(Số tiền bằng chữ: Một trăm ba sáu triệu không trăm lăm hai ngàn ba trăm bốn bốn đồng./)*

**3. Công khai các khoản chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tháng 11 năm học 2025-2026 gồm:**

**3.1. Điểm chính**

- Chi tiền thuê người nấu ăn:	16.118.379đ
- Chi tiền ăn bán trú:	77.432.720đ
- Chi trả tiền xuất ăn thừa T9:	33.189.000đ
- Chi tiền chất đốt:	10.699.290đ
- Chi tiền vật tư vệ sinh:	3.746.000đ
- Chi tiền sữa:	14.260.000đ
- Chi tiền trông giữ trẻ ngày thứ 7:	9.975.000đ
- Chi tiền QLHS giờ bán trú:	22.442.000đ
- Chi tiền nộp thuế TNDN:	3.324.760đ
- Chi nộp tiền BHXH cho nhân viên:	6.323.621đ
<b>Cộng:</b>	<b>197.510.770đ</b>

*(Số tiền bằng chữ: Một trăm chín bảy triệu năm trăm mười ngàn bảy trăm bảy mươi đồng ./)*

### 3.2. Điểm trường số 1

- Chi tiền thuê người nấu ăn:	19.894.000đ
- Chi tiền ăn bán trú:	84.299.000đ
- Chi tiền chất đốt, vật tư vệ sinh, điện nước:	13.821.000đ
- Chi tiền trông giữ trẻ ngày thứ 7:	12.972.000đ
- Chi tiền QLHS giờ bán trú:	19.285.000đ
<b>Cộng:</b>	<b>150.271.000đ</b>

*(Số tiền bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu hai trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn./)*

### 3.3. Điểm trường số 2

- Chi tiền thuê người nấu ăn:	14.504.000đ
- Chi tiền ăn bán trú:	59.437.980đ
- Chi tiền chất đốt, vật tư vệ sinh, điện nước:	9.678.580đ
- Chi tiền trông giữ trẻ ngày thứ 7:	6.117.500đ
- Chi tiền QLHS giờ bán trú:	12.849.091đ
<b>Cộng:</b>	<b>102.587.151đ</b>

*(Số tiền bằng chữ: Một trăm linh hai triệu năm trăm tám bảy ngàn một trăm năm một đồng./)*

## 4. Công khai các khoản tồn dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tháng 11 năm học 2025-2026 gồm:

### 4.1. Điểm chính

- Tồn lũy kế quỹ tiền vật tư vệ sinh, chất đốt, tiền điện:	4.780.458đ
------------------------------------------------------------	------------

- Tồn quỹ kế quỹ tiền 3% trích chi trả điện nước ngày thứ 7: 849.750đ

**Cộng: 5.630.208đ**

*(Số tiền bằng chữ: Năm triệu sáu trăm ba mươi ngàn hai trăm linh tám đồng ./)*

#### **4.2. Điểm trường số 1**

- Tồn quỹ lương thực, thực phẩm, sữa, gia vị: 3.607.460đ

- Tồn quỹ tiền chất đốt, điện nước, vật tư vệ sinh: 1.813.800đ

- Tồn quỹ quản lý HS giờ bán trú: 1.795.000đ

- Tồn quỹ tiền thứ 7 : 1.608.500đ

- Tồn quỹ tiền thuê người nấu ăn: 1.147.400đ

**Cộng: 9.972.160đ**

*(Số tiền bằng chữ: Chín triệu chín trăm bảy hai ngàn một trăm sáu mươi đồng ./)*

#### **4.3. Điểm trường số 2**

- Tồn quỹ tiền chi trả xuất ăn thừa tháng 11: 21.896.000đ

- Tồn quỹ chất đốt, điện nước bán trú, vật tư vệ sinh: 955.580đ

- Tồn quỹ 3% điện nước trích từ QLHS giờ bán trú: 888.000đ

- Tồn quỹ tiền quản lý HS giờ bán trú: 1.210.909đ

- Tồn quỹ tiền thứ 7 : 1.977.500đ

- Tồn quỹ 2% điện nước trích từ tiền thứ 7: 130.000đ

- Tồn quỹ tiền nước phục vụ bếp ăn bán trú: 1.960.024đ

- Tồn quỹ 2% thuế TNDN:(1)+(2)+(3)+(4)+(5): 4.447.180đ

+ Tồn quỹ 2% thuế TNDN tiền ăn bán trú: 2.600.380đ (1)

+ Tồn quỹ tiền 2% thuế TNDN thuê người nấu ăn: 592.000đ (2)

+ Tồn quỹ 2% thuế TNDN tiền chất đốt, điện nước bán trú, vật tư vệ sinh: 427.800đ (3)

+ Tồn quỹ 2% thuế TNDN tiền QLHS giờ bán trú: 592.000đ (4)

+ Tồn quỹ 2% thuế TNDN tiền thứ 7: 235.000đ (5)

**Cộng: 33.465.193đ**

*(Số tiền bằng chữ: Ba ba triệu bốn trăm sáu lăm ngàn một trăm chín ba đồng ./)*

**V. Thời gian niêm yết:** Từ ngày 31/12/2025 đến hết ngày 31/1/2026.

**VI. Địa điểm niêm yết:** Tại Bảng thông báo của Trường mầm non Trung Vương, phường Vàng Danh, tỉnh Quảng Ninh và cổng thông tin điện tử : <http://uongbi.quangninh.edu.vn/mntrungvương/Home.aspx>.

Trong thời gian niêm yết, nếu tổ chức, cá nhân nào có ý kiến về nội dung các khoản thu-chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tháng 11 năm học 2025-2026 của Trường Mầm Non Trung Vương, đề nghị gửi kiến nghị về Trường (qua đ/c Tạ Thị Hòa - Chức vụ: Trưởng ban thanh tra nhân dân) để tổng hợp, báo cáo và giải quyết theo quy định)

Đề nghị bộ phận Bảo vệ của trường thực hiện việc bảo đảm an toàn thực hiện công khai nội dung thu-chi dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tháng 11 năm học 2025-2026 của Trường Mầm Non trung Vương từ khi niêm yết đến khi kết thúc niêm yết.

Việc tiến hành niêm yết công khai được kết thúc vào hồi 09h45' ngày 31/12/2025.

Biên bản niêm yết đã được đọc lại cho những người có mặt nghe, thống nhất nội dung và ký nhận.

Biên bản được lập thành 02 (hai) bản để lưu hồ sơ tại trường và công khai.

THƯ KÝ

Hoàng Thị Kiều Diễm

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thu Chinh

